TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Ngọc Y**, sinh năm: 1985.
Địa chỉ thường trú: Tổ H, ấp C, xã P, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm: 1986.
Địa chỉ thường trú: B, khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Tổ H, ấp C, xã P, tỉnh Đồng Nai.

(chị Y, anh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Ngọc Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Huỳnh N tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 83/2008 ngày 16 tháng 7 năm 2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một khoảng thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nhiều khúc mắc. Đến năm 2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2008 và cháu Nguyễn Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị và anh N không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh N đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai triệu tập hợp lệ để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp

luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Y được ly hôn với anh N; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2008 và cháu Nguyễn Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết sau nếu các đương sự có yêu cầu; Về án phí sơ thẩm: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Đỗ Ngọc Y có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh N, địa chỉ hiện nay: Tổ H, ấp C, xã P, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu Tòa án xác định người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ theo quy định tại các điều 28, 35, 39 và 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chị Y được xác định là nguyên đơn, anh N được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự:

Nguyên đơn chị Đỗ Ngọc Y đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh N đã đăng ký kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 16 tháng 7 năm 2008 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các

điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo lời khai của chị Y trong quá trình giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một khoảng thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nhiều khúc mắc. Đến năm 2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Xét thấy, Phiếu xác minh ngày 18 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai xác định không biết về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Y, anh N do các đương sự không trình báo địa phương giải quyết. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho anh N nhưng anh N không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa. Việc này thể hiện anh N đã không còn quan tâm và không muốn hàn gắn, hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, mâu thuẫn giữa chị Y và anh N là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh N.

[2.2] Về con chung: Chị Y xác định chị và anh N có 02 con chung là các cháu Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2008 và Nguyễn Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung; tạm thời chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Xét thấy, chị Y có công việc ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, đồng thời cả 02 con chung đã trên 07 tuổi hiện đang sống cùng chị Y và cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với chị Y. Vì vậy, để tránh ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày và học tập của các con chung nên Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định chị và anh N không có tài sản chung và không có nợ chung; anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai nên không đủ cơ sở xác định đối với phần tài

sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này và tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi các đương sự có yêu cầu đối với phần tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 68, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật số: 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Chị Đỗ Ngọc Y đối với bị đơn anh Nguyễn Huỳnh N. Chị Y được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là các cháu Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2008 và Nguyễn Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013 cho chị Đỗ Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Nguyễn Huỳnh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong

vụ án này. Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Ngọc Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007209 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Đ). Chị Y đã nộp xong.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND X. Long Thọ (nay là UBND X. Phước An);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Bảo